

# **THÔNG TƯ 99 – CÁC NGUYÊN TẮC CƠ BẢN VÀ HƯỚNG DẪN**

(So sánh với Thông tư 200)

## **1- Về đối tượng áp dụng**

TT200: Mọi thành phần kinh tế, nếu các DN nhỏ và vừa cần tinh gọn thì vận dụng áp dụng TT này để phù hợp với đặc điểm kinh doanh của mình

TT99: Mọi thành phần kinh tế. Riêng các Tổ chức tín dụng thì áp dụng chế độ kế toán theo hướng dẫn của NHNN.

## **2- Về quản trị và kiểm soát nội bộ**

TT200: Không có

TT99: Việc tạo lập, thực hiện, quản lý, kiểm soát, phân quyền thực hiện các giao dịch kinh tế DN tự xây dựng quy chế quản trị nội bộ (hoặc các tài liệu tương đương – như quy trình, quy chế, ...) và tổ chức kiểm soát nội bộ nhằm phân quyền thực hiện phù hợp quy định pháp luật doanh nghiệp và pháp luật liên quan.

## **3- Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

TT200: Điều 3 & Điều 4

TT99: Điều 4

Quy định như nhau. Dùng VND làm đồng tiền kế toán. Trường hợp DN chủ yếu thu, chi bằng ngoại tệ thì được lựa chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán.

## **4- Chuyển đổi BCTC khi dùng đồng kế toán ngoại tệ sang VND**

TT200: Chương III thông tư 200, và phải thuyết minh ảnh hưởng đối với việc thay đổi

TT99: Điều 5 nói về Nguyên tắc lập Báo cáo tài chính khi thay đổi đơn vị tiền tệ trong kế toán, và Doanh nghiệp phải trình bày trên Bản thuyết minh Báo cáo tài chính lý do thay đổi đơn vị tiền tệ trong kế toán và khi có những ảnh hưởng đối với Báo cáo tài chính do việc thay đổi đơn vị tiền tệ trong kế toán.

Điều 6, TT99 hướng dẫn nguyên tắc chuyển đổi BCTC từ đồng ngoại tệ sang VND khi công bố, nộp, kiểm toán độc lập.

## **5- Kiểm toán báo cáo tài chính trong trường hợp dùng ngoại tệ làm tiền ghi sổ kế toán**

TT200: (Điều 6) BCTC trình bày bằng VND thì phải được kiểm toán khi nộp cho các cơ quan chức năng.

TT99: (Điều 6) Báo cáo tài chính mang tính pháp lý để doanh nghiệp công bố ra công chúng và nộp cho các cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam là Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam. Do đó, doanh nghiệp phải chuyển đổi Báo cáo tài chính từ đơn vị tiền tệ trong kế toán sang Đồng Việt Nam theo hướng dẫn ... (trong Điều 6).

## 6- Thay đổi đơn vị tiền tệ trong kế toán

TT200: Điều 7 – Khi có thay đổi lớn trong KD và chỉ được thực hiện khi bắt đầu niên độ mới. Và thông báo cho cơ quan thuế quản lý chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán.

TT99: Điều 5 – Như TT200 nhưng hướng dẫn rõ cách thực hiện về trình bày BCTC (thay đổi theo tỷ giá trung bình mua bán của NH Thương mại nơi DN thường xuyên có giao dịch).

## 7- Công tác kế toán trong DN khi đồng tiền kế toán không phải là VND

TT200: Không thấy

TT99: BCTC mang tính pháp lý được nộp cho các cơ quan thẩm quyền phải được trình bày bằng VND. Các DN có quy định kiểm toán độc lập thì BCTC được kiểm toán phải được trình bày bằng VND.

Việc quy ra VND :

- + Tài sản và nợ phải trả - Tỷ giá mua bán ck trung bình của NHTM nơi thường xuyên giao dịch;

- + Vốn CSH – Tỷ giá thực tế ngày góp vốn;

- + Chênh lệch đánh giá lại tài sản – Tỷ giá thực tế ngày đánh giá;

- + Lợi nhuận sau thuế chưa pp phát sinh kỳ này: thì lấy theo nguyên tệ trên KQKD;

- + Lợi nhuận sau thuế chưa pp phát sinh các kỳ trước thì quy ra VND theo tỷ giá ghi sổ của khoản mục này.

- + Các khoản mục BC-KQKD và LCTT thì quy ra VND tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp kế toán lựa chọn tỷ giá bình quân kỳ kế toán (tháng/năm) thì phải xấp xỉ tỷ giá tại thời điểm phát sinh (chênh lệch không vượt quá biên độ tỷ giá giao ngay theo quy định của NHNN (từ 2022 là 5%).

Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi nguyên tệ trên BCTC được trình bày trong chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong Vốn CSH.

## 8- Tổ chức kế toán tại các đơn vị trực thuộc/đơn vị phụ thuộc:

(Lưu ý, khái niệm đơn vị trực thuộc/phụ thuộc không đồng nhất với khái niệm hạch toán phụ thuộc/hạch toán độc lập)

TT200: Doanh thu, giá vốn chỉ được ghi nhận tại từng đơn vị hạch toán phụ thuộc nếu việc điều chuyển nội bộ tạo ra giá trị gia tăng.

TT99:

- Được ghi nhận hoặc không ghi nhận doanh thu, giá vốn khi luân chuyển nội bộ.

- Được phân cấp đơn vị trực thuộc lập BCTC hay không lập BCTC. Tuy nhiên BCTC của DN phải bao gồm thông tin tài chính của trụ sở và các đơn vị trực thuộc.

## 9- Đăng ký sửa đổi chế độ kế toán

TT200:

- Với hệ thống tài khoản : BS sửa đổi TK cấp 1, 2 thì phải có đồng ý của BTC
- Với BCTC: Sử dụng mẫu của BTC. Nếu có thay đổi phải có đồng ý của BTC
- Với chứng từ và sổ kế toán: Lựa chọn, không bắt buộc. Có thể áp dụng mẫu gợi ý

TT99:

**- Với hệ thống tài khoản :** Điều 11 - TT99 quy định có thể áp dụng bảng DMTK trong phụ lục II của TT99. Trường hợp để phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị, doanh nghiệp được sửa đổi, bổ sung về tên, số hiệu, kết cấu và nội dung phản ánh của các tài khoản kế toán hướng dẫn tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này. Việc sửa đổi, bổ sung phải đảm bảo phân loại và hệ thống hóa được các nghiệp vụ phát sinh theo nội dung kinh tế, không trùng lặp đối tượng, tuân thủ các nguyên tắc kế toán theo quy định và không được làm thay đổi hoặc ảnh hưởng đến các chỉ tiêu, thông tin trình bày trên Báo cáo tài chính.

Khi sửa đổi, bổ sung về tên, số hiệu, kết cấu và nội dung phản ánh của các tài khoản kế toán, doanh nghiệp có trách nhiệm ban hành Quy chế hạch toán kế toán (hoặc các tài liệu tương đương) về các nội dung sửa đổi, bổ sung để làm cơ sở thực hiện. Quy chế phải nêu rõ sự cần thiết của việc sửa đổi, bổ sung đó và trách nhiệm của doanh nghiệp trước pháp luật về các nội dung đã sửa đổi, bổ sung.

**- Với Chứng từ kế toán, sổ kế toán (Điều 9, Điều 12):** Doanh nghiệp tham khảo để áp dụng biểu mẫu hệ thống chứng từ kế toán tại Phụ lục I, hệ thống sổ kế toán tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 99. Trường hợp để phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý, doanh nghiệp được thiết kế thêm hoặc sửa đổi, bổ sung biểu mẫu chứng từ kế toán, sổ kế toán so với biểu mẫu hướng dẫn tại Phụ lục I, III ban hành kèm theo Thông tư 99.

Biểu mẫu chứng từ kế toán, sổ kế toán của doanh nghiệp khi thiết kế thêm hoặc sửa đổi, bổ sung phải đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 16, điều 24 Luật Kế toán và phải phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, minh bạch, dễ kiểm tra, kiểm soát và đối chiếu được tài sản, nguồn vốn của doanh nghiệp.

Khi thiết kế thêm hoặc sửa đổi, bổ sung về biểu mẫu chứng từ kế toán, sổ kế toán thì doanh nghiệp có trách nhiệm ban hành Quy chế hạch toán kế toán (hoặc các tài liệu tương đương) về các nội dung sửa đổi, bổ sung để làm cơ sở thực hiện. Quy chế phải nêu rõ sự cần thiết của việc sửa đổi, bổ sung đó và trách nhiệm của doanh nghiệp trước pháp luật về các nội dung đã sửa đổi, bổ sung.

**- Với Báo cáo tài chính: (Điều 18. Sửa đổi, bổ sung Báo cáo tài chính)** thì TT99 quy định về việc bổ sung hoặc sửa đổi các chỉ tiêu trên mẫu BCTC – Phụ lục IV như sau :

\* Trường hợp để phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý, doanh nghiệp được bổ sung thêm các chỉ tiêu của Báo cáo tài chính hướng dẫn tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 99. Việc bổ sung đó phải đảm bảo quy định tại khoản 1, 2 Điều 29 Luật Kế toán và tuân thủ các nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tài chính hướng dẫn tại Thông tư 99. **Doanh nghiệp phải thuyết minh trên Báo cáo tài chính về những nội dung đã bổ sung so với biểu mẫu Báo cáo tài chính hướng dẫn tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.**

Khi bổ sung thêm các chỉ tiêu của Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp có trách nhiệm ban hành Quy chế hạch toán kế toán (hoặc các tài liệu tương đương) về các nội dung bổ sung đó để làm cơ sở thực hiện. Quy chế phải nêu rõ sự cần thiết của việc bổ sung đó và trách nhiệm của doanh nghiệp trước pháp luật về các nội dung đã bổ sung.

\* Trường hợp doanh nghiệp có đặc thù dẫn đến không thể bổ sung thêm hoặc cần sửa đổi

các chỉ tiêu của Báo cáo tài chính hướng dẫn tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 99 thì báo cáo Bộ Tài chính để được hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **Điều 29. Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán**

1. Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán dùng để tổng hợp và thuyết minh về tình hình tài chính và kết quả hoạt động của đơn vị kế toán. Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán gồm:

- a) Báo cáo tình hình tài chính;
- b) Báo cáo kết quả hoạt động;
- c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- d) Thuyết minh báo cáo tài chính;
- đ) Báo cáo khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc lập báo cáo tài chính của đơn vị kế toán được thực hiện như sau:

a) Đơn vị kế toán phải lập báo cáo tài chính vào cuối kỳ kế toán năm; trường hợp pháp luật có quy định lập báo cáo tài chính theo kỳ kế toán khác thì đơn vị kế toán phải lập theo kỳ kế toán đó;

b) Việc lập báo cáo tài chính phải căn cứ vào số liệu sau khi khóa sổ kế toán. Đơn vị kế toán cấp trên phải lập báo cáo tài chính tổng hợp hoặc báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên báo cáo tài chính của các đơn vị kế toán trong cùng đơn vị kế toán cấp trên;

c) Báo cáo tài chính phải được lập đúng nội dung, phương pháp và trình bày nhất quán giữa các kỳ kế toán; trường hợp báo cáo tài chính trình bày khác nhau giữa các kỳ kế toán thì phải thuyết minh rõ lý do;

d) Báo cáo tài chính phải có chữ ký của người lập, kế toán trưởng và người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán. Người ký báo cáo tài chính phải chịu trách nhiệm về nội dung của báo cáo.

3. Báo cáo tài chính năm của đơn vị kế toán phải được nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo quy định của pháp luật.

4. Bộ Tài chính quy định chi tiết về báo cáo tài chính cho từng lĩnh vực hoạt động; trách nhiệm, đối tượng, kỳ lập, phương pháp lập, thời hạn nộp, nơi nhận báo cáo và công khai báo cáo tài chính.

## **10- Chế độ kế toán đối với nhà thầu nước ngoài tại VN**

TT200:

- Áp dụng chế độ kế toán của BTC dành riêng cho nhà thầu, nếu không có thì áp dụng TT200.

- Thông báo cho cơ quan thuế chậm nhất 90 ngày từ khi áp dụng, nếu có thay đổi thì thông báo chậm nhất 15 ngày kể từ khi thay đổi.

TT99: Không thấy

## **11- THÔNG TƯ 99 – HỆ THỐNG CHỨNG TỪ KẾ TOÁN**

TT200: Chương 4 – từ điều 116

TT99: Chương 2 – từ điều 8 đến Điều 10 (Kèm Phụ lục I – Trang 33)

### ***Hệ thống mẫu biểu chứng từ :***

Điều quy định DN có thể tham khảo mẫu kèm theo quy định, hoặc điều chỉnh mẫu theo nhu cầu quản lý. (Ví dụ : ....)

### ***Ký chứng từ kế toán***

TT200: Quy định chi tiết hơn TT99. Đặc biệt TT200 quy định mở sổ đăng ký mẫu chữ ký của kế toán, còn TT99 thì không.

### ***Trình tự luân chuyển và kiểm tra chứng từ kế toán***

TT200: (Điều 119) Quy định quá trình luân chuyển và kiểm tra chứng từ kế toán

TT99: không thấy

### ***Dịch chứng từ kế toán ra tiếng Việt***

TT200: (Điều 120) Quy định dịch chứng từ

TT99: không thấy (*nhưng Luật kế toán có quy định*)

## **12- THÔNG TƯ 99 – HỆ THỐNG TÀI KHOẢN KẾ TOÁN**

TT200: Chương II

TT99: Chương III – Điều 11 (**Kèm Phụ lục II – trang 93**)

TT99 bàn về tài khoản tại Phụ lục II của Thông tư

TT99 khái quát chi tiết hơn về tài khoản. và lưu ý “việc sửa đổi bổ sung phải đảm bảo phân loại và hệ thống hóa được các nghiệp vụ phát sinh theo nội dung kinh tế, không trùng lặp, không làm thay đổi hoặc ảnh hưởng đến các chỉ tiêu, thông tin trên BCTC”.

### **TK111:**

**Về nguyên tắc kế toán tiền:** Ngoài các quy định giống nhau, có phần khác đáng kể như sau:

TT200: Đối với TK ngoại tệ, bên nợ theo tỷ giá thực tế, bên có theo tỷ giá bình quân gia quyền

TT99: Đối với TK ngoại tệ, bên nợ theo tỷ giá thực tế, bên có theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá ghi sổ. Ngoài ra TT99 nói thêm chi tiết quá trình kiểm soát tiền (mở sổ ghi chép hàng ngày, đánh giá số dư gốc ngoại tệ, ...)

### **TK112:**

TT200: Tiền gửi ngân hàng

TT99: Tiền gửi không kỳ hạn

### **TK113: Tiền đang chuyển**

### **TK121: Chứng khoán kinh doanh**

### **TK128: Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

### **TK131: Phải thu khách hàng**

### **TK133: Thuế GTGT được khấu trừ**

### **TK136: Phải thu nội bộ**

**Nguyên tắc kế toán :** Có khác biệt

TT200: Với đơn vị cấp dưới, không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc. Quan hệ DN với các đơn vị thành viên, có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập không dùng TK này mà phản ánh như đối với Cty con.

TT99: Không nói đến. Và nói rõ luôn trong TK1361 là vốn cấp cho đơn vị trực thuộc (nếu có) và 1361 không phản ánh vốn Cty mẹ đầu tư vào Cty con.

**TK138: Phải thu khác**

TT200:

TT99: Bỏ khỏi TT200 “các khoản phát sinh khi cổ phần hóa DNNN”

Thêm “Thuế TTDB của hàng nhập khẩu còn được khấu trừ”, “Giá trị tài sản mang đi đầu tư vào hợp đồng hợp tác kinh doanh”.

**TK141: Tạm ứng**

TT200: Chỉ nói về bản chất và cách ghi của “Tạm ứng”

TT99: Bàn về việc DN có trách nhiệm xây dựng quy chế kiểm soát nội bộ liên quan đến các khoản tạm ứng phù hợp với pháp luật liên quan và yêu cầu quản trị nội bộ.

**TK151: Hàng mua đang đi đường**

TT200:

TT99:

**TK152: Nguyên vật liệu**

TT200:

TT99:

**TK153: Công cụ, dụng cụ (trong kho)**

TT200: 153 có 4 tài khoản cấp 2 : 1531 - CCDC; 1532 – Bao bì luân chuyển; 1533 – Đồ dùng chung; 1534 – Thiết bị phụ tùng thay thế.

TT99: Không có tài khoản cấp 2.

**TK154: Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang**

TT200: Có hướng dẫn vận dụng TK154 trong các ngành Công Nghiệp, Nông nghiệp, Dịch vụ, Xây dựng.

TT99: Có hướng dẫn vận dụng TK154 trong các ngành Công Nghiệp, Dịch vụ, Xây dựng.

**TK155: Sản phẩm**

TT200: TK 155 là Thành Phẩm

TT99: TK 155 là Sản Phẩm

**TK156: Hàng hóa**

TT200: TK 156 có 2 tài khoản cấp 2: 1561 và 1562 và 1567

TT99: TK 156 không có tài khoản cấp 2. Kế toán tự phân chia thêm.

**TK157: Hàng gửi đi bán**

TT200:

TT99: Kể cả hàng hóa, sản phẩm gửi kho ngoại quan

**TK158:** (kho bảo thuế là kho nhập khẩu chỉ phục vụ xuất khẩu được thành lập tại nhà máy của doanh nghiệp)

TT200: Hàng hóa kho bảo thuế

TT99: Nguyên liệu, vật tư kho bảo thuế

**TK161: Chi sự nghiệp** – Dành cho các hoạt động sự nghiệp dp CQ Nhà nước giao cho DN

**TT200: Có tài khoản 161**

**TT99: Không có TK161**

**TK171: Giao dịch, mua bán lại trái phiếu Chính phủ**

TT200:

TT99:

**TK211: Tài sản cố định hữu hình**

TT200: TK211 có 6 tiểu khoản

TT99: Không có TK cấp 2 – D.sách TSCD chia theo nhóm phù hợp với nhu cầu quản lý.

TT200: Không nói đến vốn hóa lãi vay chi phí đi vay vào nguyên giá TSCD

TT99: bàn đến việc đưa chi phí lãi vay đầu tư TSCD vào NG TSCD (vốn hóa theo VAS16)

**TK212: TSCĐ thuê tài chính**

TT200:

TT99:

**TK213: TSCĐ vô hình**

**\* Chi phí nghiên cứu, triển khai**

- TT200: Chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai có thể tập hợp thành 213 nếu thỏa chuẩn mực 04

- TT99: Chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu, triển khai thì chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu không được ghi vào TSCĐ-VH, chỉ có Chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai có thể tập hợp thành 213 nếu thỏa chuẩn mực 04.

**\* Chi phí trước hoạt động**

- TT200: Phân bổ vào chi phí không quá 3 năm

- TT99: Ghi vào chi phí hoạt động trong kỳ. Không nói cách phân bổ.

(Điểm e, khoản 1, TK213 : e) Chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo,... phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của doanh nghiệp mới thành lập, chi phí chuyển dịch địa điểm được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.)

**\* Kết cấu tài khoản**

- TT200: TK213 có 7 tài khoản cấp 2

2131: Quyền SD đất

2132: Quyền phát hành

2133: Bản quyền, bằng sáng chế

2134: Nhãn hiệu, tên thương mại

2135: Chương trình phần mềm

2136: Giấy phép & Giấy phép nhượng quyền

2138: TSCĐ vô hình khác

- TT99: Không chia tài khoản cấp 2

#### **TK214: Hao mòn TSCĐ**

\* Về nguyên tắc kế toán: Như nhau

\* Về kết cấu Tài khoản : TK214 đều có 4 tài khoản cấp 2

\* *Lưu ý: hao mòn Tài sản sinh học không nằm trong TK214*

#### **TK215: Tài sản sinh học**

\* Về tài khoản

- TT200: không có TK215

- TT99: có thêm TK215

\* **Nguyên tắc kế toán**

+ **Khái niệm:**

- Là các tài sản sinh học liên quan đến hoạt động nông nghiệp, nhưng không phải “cây lâu năm cho sản phẩm định kỳ hay súc vật làm việc – ghi nhận tại TK211”, mà là các cây trồng hoặc vật nuôi sống gắn liền với sự quản lý của doanh nghiệp đối với quá trình biến đổi sinh học mà sau đó có thể được chuyển thành các sản phẩm nông nghiệp hoặc tạo ra các tài sản sinh học khác.

- Biến đổi sinh học bao gồm quá trình tăng trưởng, thoái hóa, sản xuất và sinh sản dẫn đến sự thay đổi về số lượng hoặc chất lượng của 1 tài sản sinh học.

- Hoạt động nông nghiệp là hoạt động quản lý sự biến đổi sinh học nhằm thu hoạch được tài sản sinh học để bán hoặc để chế biến thành sản phẩm nông nghiệp hoặc sinh ra tài sản sinh học khác. Lưu ý: Trồng trọt (trồng cây, vườn hoa, đồn điền,...), chăn nuôi (nuôi trồng thủy hải sản, gia súc, gia cầm, ....), súc vật nuôi để làm việc hoặc đánh bắt cá ở đại dương, ... không thỏa mãn là hoạt động nông nghiệp.

- Sản phẩm nông nghiệp là sản phẩm được thu hoạch từ tài sản sinh học của doanh nghiệp (lá chè thu hoạch từ bụi chè, sữa bò thu hoạch từ bò mẹ, trứng thu hoạch từ gà đẻ trứng, ....)

- Tài sản sinh học gồm : (1) Cây lâu năm được sử dụng trong SX hoặc cung cấp sản phẩm nông nghiệp; dự kiến cho sản phẩm nhiều hơn một kỳ kế toán được xem như 1 TSCĐ hữu hình (nếu thỏa điều kiện), tuy nhiên sản phẩm tạo ra từ chúng như lá trà, quả nho, cọ dừa, mủ cao su, ... khi chưa thu hoạch lại là tài sản sinh học. (2) Cây trồng để lấy sản phẩm một lần. (3) Súc vật nuôi lấy thịt, sản phẩm một lần.

#### **Bảng kê phân biệt các loại**

| <b>Tài sản cố định</b> | <b>Tài sản sinh học</b>      | <b>Sản phẩm nông nghiệp</b> | <b>SP chế biến sau thu hoạch</b>     |
|------------------------|------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------|
| Cây bông vải           | Quả bông chưa thu hoạch được | Bông được thu hoạch         | SP từ bông như chỉ, vải, quần áo,... |

|              |                                     |                             |                              |
|--------------|-------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Bụi mía      | Cây mía chưa thu hoạch              | Cây mía được thu hoạch      | SP từ mía như đường          |
| Cây thuốc là | Lá cây thuốc là chưa thu hoạch được | Lá cây thuốc là đã được hái | Sợi thuốc lá                 |
| Cây cao su   | Cao su trên cây chưa thu hoạch      | Mủ cao su thu hoạch         | SP từ mủ như vỏ xe, đệm, ... |
|              | Bò sữa                              | Sữa vắt                     | Phomai, yaourt, ...          |
|              | Lợn                                 | Thịt lợn                    | SP từ thịt lợn               |
|              | Cừu                                 | Lông                        | Sợi, thảm, ....              |

**+ Nguyên tắc kế toán:**

- Cây lâu năm cho SP định kỳ, súc vật làm việc được xem là 211 – TSCĐ hữu hình

- Súc vật nuôi cho SP định kỳ: TS sinh học đến giai đoạn trưởng thành thì bắt đầu khấu hao. Khi TS sinh học mẹ bắt đầu cho sản phẩm (gà đẻ trứng, bò cho sữa, ...) hoặc sinh ra TS sinh học khác (bò mẹ sinh ra bê con), thì giá gốc TS sinh học mới tạo ra phải bao gồm chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng phát sinh trong kỳ tính cho TS sinh học mới đó và khấu hao TS sinh học mẹ. Việc phân bổ chi phí chăm sóc cho các (ts sinh học mẹ, ts sinh học mới tạo ra, sp nông nghiệp, ..) căn cứ đặc điểm, cách thức thu hồi lợi ích kinh tế, ... để phân bổ và phải nhất quán. Khi trình bày BCTC thì nhóm này là nhóm TS sinh học dài hạn, và nếu có dấu hiệu tổn thất thì phải lập dự phòng.

- Đối với súc vật nuôi lấy SP một lần. toàn bộ chi phí phục vụ ts sinh học hạch toán vào giá gốc ts sinh học. Khi kết thúc kỳ kế toán, nếu có dấu hiệu hay bằng chứng cho thấy bị tổn thất thì trích dự phòng. Khoản này là ts ngắn hạn trên BCTC. Tương tự Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy Sp một lần.

- Trường hợp chi phí mua, nuôi trồng, chăm sóc, ... không tạo ra hoặc không liên quan đến một ts sinh học cụ thể, không tạo ra giá trị gia tăng (ví dụ nghiên cứu ts sinh học mới) thì phải được ghi nhận vào chi phí HDKD trong kỳ.

- Thuyết minh BCTC phải mô tả các ts sinh học có giá trị chiếm từ 10% tổng giá trị ts sinh học trở lên các nội dung : tính chất, đặc điểm chính sách kế toán áp dụng cho ts sinh học; pp phân bổ chi phí chăm sóc, nuôi trồng trong kỳ với ts sinh học mẹ, ts sinh học mới tạo ra, sp nông nghiệp, ....; pp khấu hao ts sinh học; thời gian hữu ích hoặc tỷ lệ khấu hao ts sinh học; giá trị và khấu hao lũy kế; dự phòng; giá trị dùng để chấp đảm bảo các khoản nợ; các c/m kết về đầu tư hoặc mua ts sinh học; các th□□ đổi như thuyết minh về giá trị hợp lý trừ chi phí bán của ts sinh học có thể quan sát, đo đếm được.

\* Kết cấu tài khoản. Có 3 Tk cấp 2

2151: Súc vật nuôi cho SP định kỳ

21511: Súc vật nuôi cho SP định kỳ chưa đạt đến giai đoạn trưởng thành

21512: Súc vật nuôi cho SP định kỳ đến giai đoạn trưởng thành

215121: Nguyên giá

215122: Khấu hao lũy kế

2152: Súc vật nuôi lấy SP một lần

2153: Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy SP một lần

**TK217: Bất động sản đầu tư**

\* BDS không phục vụ SXKD, không phải mua để bán trong kỳ KD thông thường. BDSĐT chỉ để cho thuê hay chờ tăng giá. Trong quá trình cho thuê, vẫn trích khấu hao bình thường. Nếu chỉ chờ tăng giá thì không trích khấu hao.

\* Đánh giá tổn thất: Trường hợp có bằng chứng chắc chắn có tổn thất do giá thị trường giảm, DN được ghi nhận tổn thất bằng việc giảm nguyên giá và đưa vào giá vốn hàng bán trong kỳ (tương tự lập dự phòng giảm giá hàng hóa BDS).

\* Các quan điểm về 217 không thay đổi giữa TT200 và TT99

**TK221: Đầu tư Công ty con**

\* Nguyên tắc kế toán: Theo TT200, cty mẹ có quyền kiểm soát khi sở hữu Cty con >50%. Tuy nhiên, TT99 bổ sung thêm quan điểm là : dù có quyền biểu quyết trên 50% nhưng Cty mẹ có thể mất quyền kiểm soát khi cty con đang chịu sự điều hành, giám sát của cơ quan chính phủ, quản tài viên, .... Và trong trường hợp này phải căn cứ tình hình thực tế để đánh giá xem Cty mẹ còn có quyền kiểm soát hay không.

\* Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được TT99 bổ sung vào phần hạch toán khi chuyển nhượng Cty con mà trước đó có lập dự phòng.

**TK222: Đầu tư vào Cty liên doanh, liên kết**

\* Liên doanh (đồng kiểm soát), liên kết (chiếm từ 20% đến 50% quyền biểu quyết)

\* Về nguyên tắc kế toán, TT99 tương tự TT200

\* Về hạch toán các trường hợp trọng yếu, TT200 bàn về việc góp vốn bằng Q.SDD với bên nước ngoài trong Cty liên danh, và bàn về việc khi bên VN chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho bên NN thì QSDD được trả lại và chuyển sang hình thức thuê đất; nhưng TT99 đã không bàn đến. *(vấn đề này có thể do trong giai đoạn mới đã không còn trường hợp một bên góp vốn liên doanh bằng đất, hoặc nếu có thì DN liên doanh 100% vốn nước ngoài vẫn có quyền sở hữu QSDD mà không nhất thiết chỉ giới hạn quyền thuê đất – có lẽ thay đổi do Luật đất đai 2024).*

**TK228: Đầu tư khác**

\* Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát.

\* TT99 bổ sung thêm, rằng các loại kim loại quý, đá quý (không phải là vật tư hay hàng hóa) tích trữ thì ghi vào tài khoản này và trong trường hợp có chứng cứ về sự suy giảm giá trị thì có thể ghi giá trị tổn thất vào chi phí tài chính.

\* TT99 và TT200 đều có hướng dẫn về nguyên tắc kế toán hợp đồng BCC.

**TK229: Dự phòng tổn thất tài sản**

- TT200 và TT99 giống nhau về các khoản dự phòng :

(2291) Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh

(2292) Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

TT99 chi tiết hơn TT200 về nguyên tắc lập dự phòng tổn thất đầu tư.

Đối với đơn vị được đầu tư là một Cty mẹ thì trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào BCTC hợp nhất của Cty mẹ đó, nếu đơn vị được đầu tư là một Cty độc lập thì căn cứ BCTC riêng của Cty được đầu tư.

Đối với khoản đầu tư vào Cty liên doanh, liên kết thì được trích lập dự phòng do Cty liên doanh, liên kết bị lỗ nếu BCTC không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu.

Đối với các khoản đầu tư mà Cty nắm giữ lâu dài (không phải chứng khoán, cty con, Cty liên doanh liên kết) thì dự phòng căn cứ vào giá thị trường của cổ phiếu, nếu không có thì căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

(2293) Dự phòng phải thu khó đòi

30% đối với nợ quá hạn 6th -> 1 năm

50% đối với nợ quá hạn 1 Năm -> 2 năm

70% đối với nợ quá hạn 2 năm -> 3 năm

100% đối với nợ quá hạn > 3 năm

Tuy nhiên, TT99 bổ sung thêm mức dự phòng đối với một số ngành nghề của các trường hợp như : phải thu cước viễn thông, công nghệ thông tin, truyền hình trả sau và khoản nợ phải thu do bán lẻ hàng hóa theo hình thức trả chậm/trả góp của các đối tượng nợ là cá nhân đã quá hạn thanh toán, mức dự phòng như sau:

30% đối với nợ quá hạn 3th -> 6tháng

50% đối với nợ quá hạn 6th -> 9tháng

70% đối với nợ quá hạn 9tháng -> 12tháng

100% đối với nợ quá hạn > 12 tháng

TT99 cũng chi tiết hơn v/v trường hợp có các chứng cứ con nợ không thể trả nợ (mở thủ tục phá sản, bỏ địa điểm kinh doanh, đang bị truy tố, ....) thì có thể ngay lập tức dự phòng đến 100% nợ khó đòi.

(2294) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- TT99 thêm tài khoản :

(2295) Dự phòng tổn thất ts sinh học. DN trích lập dự phòng này khi có bằng chứng cho thấy giá trị thuần của ts sinh học có thể nhỏ hơn giá gốc.

### **TK241: Xây dựng cơ bản dở dang**

\* Về cấu trúc tài khoản

- TT200: TK241 có 3 TK cấp 2:

2411 – Mua sắm TSCĐ

2412 – Xây dựng cơ bản

2413 – Sửa chữa lớn TSCĐ

- TT99:

Thêm 1 tài khoản cấp 2

2414 – Nâng cấp, cải tạo TSCĐ

\* Về nguyên tắc kế toán

TT99 Bàn nhiều đến vốn hóa lãi vay, trong khi TT200 không bàn đến.

**TK242:**

**TT200: Chi phí trả trước**

**TT99: Chi phí chờ phân bổ**

\* Về nguyên tắc kế toán

- TT200: Có nhiều loại chi phí chờ phân bổ, trong đó TT200 có “Chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo, quảng cáo phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động được phân bổ tối đa không quá 3 năm”, nhưng nội dung này trong TT99 không còn.

- TT99: Bổ sung thêm lợi thế thương mại hình thành sau hợp nhất kinh doanh.

**TK243: Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

- TT200:

- TT99:

**TK244:**

**TT200: Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược**

**TT99: Ký quỹ, ký cược**

\* Về nội dung tài khoản

- TT200: Dùng nguyên từ “tài sản đem đi cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược.

- TT99: Chỉ dùng cụm từ “số tiền đem đi ký quỹ, ký cược”. DN không dùng TK này để phản ánh các tài sản mà DN sử dụng để cầm cố, thế chấp. Nếu sử dụng giấy chứng nhận quyền sở hữu/sử dụng để cầm cố, thế chấp thì không ghi giảm tài sản mà thuyết minh trên BCTC.

**TK331: Phải trả cho người bán**

- TT200

- TT99

**TK332: Phải trả cổ tức, lợi nhuận**

- TT200: Không có TK này

- TT99: TK này phản ánh số lợi nhuận, cổ tức phải trả và tình hình chi trả cổ tức, lợi nhuận. Thời điểm ghi nhận khoản phải trả cổ tức/lợi nhuận là thời điểm DN không có quyền từ chối chi trả cổ tức/lợi nhuận cho cổ đông/thành viên góp vốn (theo Luật chứng khoán, Luật doanh nghiệp, Điều lệ).

**TK333: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

\* Về nguyên tắc kế toán:

- TT200:

- TT99:

Bổ sung thêm về ghi nhận số thuế TNDN phải nộp theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. Doanh nghiệp phải thuyết minh rõ trong Thuyết minh BCTC về kỳ phát sinh nghĩa vụ thuế, kỳ kê khai thuế, tiêu thức phân bổ nghĩa vụ thuế của đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai cho các đơn vị hợp thành không chịu trách nhiệm kê khai, số ước tính thuế TNDN bổ

sung phải nộp theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu của doanh nghiệp, số chênh lệch giữa số ước tính thuế TNDN bổ sung với số thuế TNDN bổ sung phải nộp thực tế khi kê khai, ... Riêng đối với đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai còn thuyết minh rõ nghĩa vụ thuế của đơn vị mình và đơn vị hợp thành khác không chịu trách nhiệm kê khai. ([Xem Nghị quyết Quốc hội 107/2023/QH15](#) và [Nghị định 236/2025/ND-CP](#))

\* Về cấu trúc tài khoản

- TT99 tương tự TT200

\* Về phương pháp kế toán:

- TT99 tương tự TT200

#### **TK334: Phải trả người lao động**

\* Về Nguyên tắc kế toán

- TT99 tương tự TT200

\* Về kết cấu tài khoản

- TT200: Có 2 TK cấp 2

3341: Phải trả công nhân viên

3348: Phải trả người lao động khác

- TT99: Không có TK cấp 2

#### **TK335: Chi phí phải trả**

\* Về nguyên tắc kế toán

- TT99 khác TT200: Đối với SP, hàng hóa BĐS thì TT200 cho phép trích trước chi phí thuộc dự toán nhưng chưa đủ hồ sơ nghiệm thu. TT99 không có quy định này.

#### **TK336: Phải trả nội bộ**

- TT200

- TT99

#### **TK337: Thanh toán theo tiến độ hợp đồng xây dựng**

Chỉ áp dụng cho trường hợp HỢp đồng quy định nhà thầu thanh toán theo tiến độ kế hoạch, không áp dụng trong trường hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng khách hàng thực nhận.

- TT200:

- TT99:

#### **TK338: Phải trả phải nộp khác**

\* Về cấu trúc TK,

- TT200: Có 8 TK cấp 2: 3381, 3382, 3383, 3384, 3385, 3386, 3387, 3388

- TT99: Có 7 TK cấp 2: 3381, 3382, 3383, 3384, ..., 3386, 3387, 3388

#### **TK341: Vay và nợ thuê tài chính**

- TT200:

- TT99:

#### **TK343: Trái phiếu phát hành**

\* TT99 và TT200 đều như nhau về nguyên tắc kế toán.

\* TT99 và TT200 đều có hướng dẫn rất rõ về trái phiếu chuyển đổi, xác định lãi suất trái phiếu thông thường, lãi suất trái phiếu chuyển đổi, tính ra giá trị hiện tại các khoản phải trả trong tương lai của trái phiếu chuyển đổi (i), giá trị quyền chọn chuyển đổi trái phiếu (hay còn gọi là cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi – ii – TK4113) = tiền thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi (bằng mệnh giá trái phiếu chuyển đổi - iii) – giá trị hiện tại các khoản phải trả trong tương lai của trái phiếu chuyển đổi (i - TK3432). Từ đó xác định chi phí lãi vay được ghi nhận trong các kỳ (TK635,241) => lãi trả thực trong các kỳ (TK335 -> 34312 khi chuyển đổi) => giá trị điều chỉnh tăng nợ gốc trái phiếu chuyển đổi cuối các kỳ (TK3432) => Giá trị nợ gốc trái phiếu chuyển đổi cuối các kỳ (Dư cuối TK3432 định kỳ hàng năm nếu chưa chuyển đổi) => Đối chiếu mệnh giá cổ phiếu => Để xác định thặng dư vốn cổ phần khi chuyển đổi. (Xem chi tiết tại trang 245 – TT99).

\* Về cấu trúc tài khoản:

- TT200: TK343 – Trái phiếu phát hành
  - TK3431 – Trái phiếu
    - TK34311 – Mệnh giá
    - TK34312 – Chiết khấu
    - TK34313 – Phụ trội
  - TK3432 - Trái phiếu chuyển đổi
- TT99: TK343 - Trái phiếu phát hành
  - TK3431 – Trái phiếu thường
  - TK3432 – Trái phiếu chuyển đổi

Kế toán có thể duy trì các TK như cũ để dễ hạch toán chiết khấu hay phụ trội.

#### **TK344: Nhận ký quỹ, ký cược**

- TT200, TT99 đều thống nhất TK này ghi nhận tiền nhận ký quỹ, ký cược. Riêng việc nhận các loại khác như sổ tiết kiệm, giấy tờ có giá, ... thì chỉ ghi nhận trên thuyết minh BCTC.

#### **TK347: Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

- TT200:
- TT99:

Quan điểm như nhau. Điều nhấn mạnh chênh lệch tạm thời của giá trị ghi sổ và giá trị tính thuế của các khoản mục tính thuế (về mặt thời gian ghi nhận) làm phát sinh Thuế thu nhập hoãn lại phải trả (cùng quan sát 243 để biết, hoặc xem chuẩn mực VAS17).

#### **TK352: Dự phòng phải trả**

- TT99 và TT200 đều giống về nguyên tắc dự phòng phải trả (nghĩa vụ nợ phát sinh từ một sự kiện, mà sự kiện đó xuất hiện có hay không chưa chắc chắn được).

- TT99 và TT200 cùng thống nhất : Dự phòng phải trả dành cho dự phòng : Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa; dự phòng bảo hành công trình xây dựng; dự phòng tái cấu trúc doanh nghiệp; dự phòng phải trả khác như : dự phòng trợ cấp thôi việc, mất việc theo quy định

của pháp luật, dự phòng sửa chữa bảo dưỡng TSCĐ định kỳ theo yêu cầu kỹ thuật, dự phòng hợp đồng có rủi ro lớn, dự phòng hoàn nguyên môi trường, ...

- TT99 liệt kê một số đối tượng hay điều kiện cụ thể trong việc nhận biết bối cảnh phải lập dự phòng.

- TT99 lưu ý quan điểm về dự phòng phải tuân theo chuẩn mực VAS18 – Dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng ([Xem VAS18 và TT 21/2006/TT-BTC hướng dẫn chuẩn mực VAS18](#)).

- Về kết cấu tài khoản: như nhau.

### **TK353: Quỹ khen thưởng phúc lợi**

- TT99 và TT200 giống nhau về mục đích của tài khoản, về kết chuyển nguồn quỹ phúc lợi sang vốn CSH nếu dùng quỹ phúc lợi mua sắm TSCĐ kinh doanh, hoặc chuyển sang “quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ” nếu dùng quỹ phúc lợi mua sắm TSCĐ phúc lợi.

- Về cấu trúc tài khoản, TT99 và TT200 như nhau:

  - 3531: Quỹ khen thưởng

  - 3532: Quỹ phúc lợi

  - 3533: Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ

  - 3534: Quỹ thưởng BQL điều hành Cty

### **TK356: Quỹ phát triển khoa học công nghệ**

- TT99 như TT200. Vẫn theo nguyên tắc dùng để theo dõi Quỹ PTKH&CN. Được trích vào chi phí QL của DN.

- TT99 khác TT200 ở điểm : TT200 xác định quỹ này chỉ sử dụng cho đầu tư KH&CN tại Việt nam, còn TT99 thì : Quỹ này sử dụng theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- TT200 chỉ bàn đến việc nếu quỹ chi trả cho SP sản xuất thử mà tiền thu về cao hơn chi phí thì chênh lệch được ghi tăng quỹ, thấp hơn chi phí thì ghi giảm quỹ. TT99 quy định nếu dùng quỹ mua sắm TSCĐ để nghiên cứu, sx thử mà số tiền thu SP SX thử cao hơn chi phí SX thì ghi giảm nguyên giá TSCĐ hình thành từ Quỹ, ngược lại thì ghi tăng nguyên giá TSCĐ hình thành từ quỹ (lưu ý điều này chỉ áp dụng khi đang trong quá trình hình thành TSCĐ từ quỹ và đang sx thử).

- Về kết cấu tài khoản

  - TT200:

    - 3561: Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

    - 3562: Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành TSCĐ.

  - TT99:

    - 3561: Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

    - 3562: Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành tài sản.

Vì khác nhau ở TK3562, nên TT99 mở rộng hơn những tài sản hình thành từ quỹ PTKH&CN: TSCĐ, hàng tồn kho, đầu tư tài chính và gợi ý có thể mở thêm chi tiết TK3562 để theo dõi từng loại tài sản hình thành từ nghiên cứu KH&CN.

- Về một số trường hợp chi tiết ứng xử với TK356, TT99 chi tiết hơn TT200 như :
  - + Trường hợp chi dùng quỹ theo phương án nghiên cứu mà cao hơn quỹ hiện có thì có thể chọn PA đưa chênh lệch vào chi phí.
  - + Trường hợp không đưa chênh lệch vào chi phí thì tiếp tục tạm trích các kỳ sau cho bằng nhu cầu. Nếu không dùng PA này, thì vẫn tăng TS hình thành từ quỹ, sau đó giảm quỹ PTKH&CN theo cách giảm quỹ tương ứng với hao mòn TSCD hình thành từ quỹ cho đến khi dư có TK3562 chi tiết TSCD tương ứng =0.
- TT99 yêu cầu trình bày kết quả của nhiệm vụ Khoa Học Công Nghệ và Đổi mới Sáng tạo, Tài sản thu được trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KHCN, ... trong Thuyết Minh Báo Cáo Tài chính.
- TT99 cũng đưa ra hướng xử lý khi DN không sử dụng hết 70% quỹ PTKH&CN thì hạch toán bổ sung phần thuế TNDN và lãi chậm nộp.
- TT99 cũng đưa ra phương án xử lý TSCD hình thành từ nghiên cứu khoa học dùng quỹ PTKH&CN, nhưng sau đó không dùng được, không thanh lý được, chỉ có thể phá bỏ hoặc bán phế liệu.

#### **TK357: Quỹ bình ổn giá**

- TT200:
- TT99: Như TT200. Lưu ý cập nhật Luật Giá và các Văn bản hướng dẫn theo từng thời kỳ.

#### **❖ Phần hạch toán Vốn Chủ Sở Hữu**

Lưu ý các nguyên tắc trước khi xem xét đến hạch toán kế toán và vận dụng các tài khoản.

- Không ghi nhận vốn góp theo vốn điều lệ mà theo số thực góp

##### **Có khác biệt 1:**

- TT200: Việc ghi nhận vốn góp bằng bản quyền, quyền khai thác, sử dụng tài sản, thương hiệu, nhãn hiệu, ... chỉ được thực hiện khi có quy định cụ thể của pháp luật hoặc cơ quan có thẩm quyền cho phép. Nếu chưa có quy định thì giao dịch góp vốn bằng nhãn hiệu, thương hiệu được kế toán như việc đi thuê hoặc nhượng quyền thương mại.

- TT99: Việc ghi nhận vốn góp bằng bản quyền, quyền khai thác, sử dụng tài sản, thương hiệu, nhãn hiệu, ... được thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật về sở hữu trí tuệ. DN căn cứ vào bản chất của hợp đồng **góp vốn** để hạch toán cho phù hợp.

##### **Có khác biệt 2:**

- TT99: Đối với các DN khởi nghiệp sáng tạo, căn cứ thỏa thuận nhận góp vốn giữa DN và nhà đầu tư để xác định, hạch toán khoản vốn đã nhận là nợ phải trả hoặc vốn CSH trên nguyên tắc Chuẩn mực kế toán & Chế độ kế toán (xem nguyên tắc trong phần tài khoản). TT200 không quy định.

##### **Có khác biệt 3:**

- TT200: Việc phân phối lợi nhuận chỉ thực hiện khi số phân phối  $\leq$  lợi nhuận chưa phân phối. Nếu phân phối quá lớn thì bản chất là giảm góp vốn, do đó phải điều chỉnh vốn góp trên giấy DKKD. TT99 không quy định.

#### **TK411: Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

\* Về nguyên tắc kế toán:

- TT99 có bổ sung (điểm đ – TK411), vốn đầu tư của CSH bị giảm khi DN phát hành cổ phiếu thấp hơn mệnh giá.

- TT99 có bổ sung về chi phí phát hành cổ phiếu. Nếu chi phí phát hành phát sinh nhưng không phát hành được thì ghi chi phí tài chính, nếu phát hành được thì ghi thẳng dư vốn cổ phần.

\* về cấu trúc tài khoản:

- TT200 và TT99 giống nhau về cấu trúc tài khoản. Có 4 tài khoản cấp 2

TK411: Vốn góp của CSH

TK4111: Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết

TK4112: Cổ phiếu ưu đãi (bao gồm CP ưu đãi nợ)

TK4112: Thặng dư vốn cổ phần (TT99 mở rộng khái niệm thặng dư vốn chung cho cả các DN không phải là Cty cổ phần, do đó TT99 chỉ gọi TK này là “Thặng dư vốn”. Một số CTY TNHH gặp các trường hợp này khi bị thâm hụt do phí ngân hàng, do biến động tỷ giá, do mệnh giá góp của chứng từ có giá có thể cao hơn giá trị thực, ... không bao gồm việc góp thiếu vốn theo đúng nghĩa “chưa góp”).

TK4113: Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu

TK4118: Vốn khác

#### **TK412: Chênh lệch đánh giá lại tài sản**

\* Vận dụng tài khoản

TT200: Chênh lệch đánh giá lại tài sản ghi nhận vào TK412 khi :

- Khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản;
- Khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

TT99: Chênh lệch đánh giá lại tài sản ghi nhận vào TK412 khi :

- Khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

#### **TK413: Chênh lệch tỷ giá hối đoái**

\* Khi ghi nhận một nghiệp vụ phát sinh ngoại tệ dưới dạng VND hoặc đơn vị tiền tệ kế toán, thì căn cứ vào “tỷ giá giao dịch thực tế” hoặc “tỷ giá ghi sổ” tùy vào nguyên tắc áp dụng tại TT99. Trường hợp xác định nghĩa vụ thuế các nghiệp vụ phát sinh ngoại tệ thì áp dụng quy định pháp luật về thuế.

\* TT99: Tỷ giá giao dịch thực tế DN được quyền chọn (khác TT200):

- Tỷ giá mua bán ck trung bình tại NHTM nơi DN thường xuyên có giao dịch;
- hoặc tỷ giá xấp xỉ (nhưng không chênh lệch quá  $\pm 1\%$  tỷ giá trung bình). Đôi khi chọn tỷ giá tuần hay tháng. Việc lựa chọn này không ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình kinh doanh, tài chính của DN.

- Nếu NHTM nơi thường có giao dịch không công bố tỷ giá đồng tiền kế toán, thì được quyền chọn một loại tiền tệ trung gian để quy đổi nhưng phải áp dụng nhất quán, và thuyết minh trên TM-BCTC.

- TT99 không quy định việc các đơn vị trong tập đoàn được áp dụng chung 1 tỷ giá do Cty mẹ quy định để đánh giá các khoản mục có gốc ngoại tệ phát sinh từ giao dịch nội bộ.

\* TT99: Tỷ giá ghi sổ có thể dùng tỷ giá thực tế đích danh hoặc tỷ giá bình quân gia quyền. Tỷ giá đích danh khi thu hồi nợ hay phải trả nợ bằng ngoại tệ. Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền là tỷ giá được xác định trên cơ sở trung bình của các giá trị theo tỷ giá giao dịch thực tế của bên Nợ TK tài sản hoặc bên Có TK nguồn vốn. Tỷ giá bình quân này có thể là liên hoàn hoặc cuối kỳ.

\* Về cấu trúc tài khoản:

- TT200: Có 2 TK cấp 2

  - 4131: Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ

  - 4132 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái giai đoạn trước hoạt động

- TT99: Không chia

\* Về đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính

- TT200 quy định không rõ ràng về “nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán” như TT99. Dù TT200 định nghĩa rất rõ “nguyên tắc xác định các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ”, điều mà TT99 không bàn đến (mà định nghĩa rõ).

- Cả 2 TT đều thống nhất cách xử lý TK413 được phản ánh ngay trong kỳ đánh giá vào 635 hoặc 515. Kể cả 413 trước hoạt động không ghi nhận 242/3387 mà ghi ngay vào 635/515 khi bắt đầu hoạt động.

#### **TK414: Quỹ đầu tư phát triển**

- TT200:

- TT99:

#### **TK417: Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp**

- **TT200: Có**

- **TT99: Không có**

#### **TK418: Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu**

- TT200:

- TT99:

#### **TK419:**

- **TT200: Cổ phiếu quỹ**

- TT99: Cổ phiếu mua lại của chính mình

\* Nguyên tắc kế toán:

- TT99: Việc Cty mua lại cổ phiếu của chính mình để hủy bỏ hoặc bán ra hoặc sử dụng cổ phiếu quỹ để tái phát hành hoặc để làm cổ phiếu thưởng được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### **TK421: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

\* TT99 giống TT200 ở hầu hết các quan điểm ghi nhận. Có 1 điểm mà TT200 bàn đến nhưng TT99 không bàn đến: Cty mẹ phân phối lợi nhuận không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của BCTC hợp nhất sau khi đã loại trừ lợi thế thương mại âm (bất lợi thương mại/lãi do ghi nhận giao dịch mua giá rẻ). Trường hợp Lợi nhuận trên BCTC riêng < lợi nhuận trên BCTC hợp nhất, thì Cty mẹ phải điều chuyển lợi nhuận từ các Cty con về Cty mẹ thì mới chia cổ tức. Điều này TT99 không đề cập.

\* về cấu trúc tài khoản: TT99 như TT200

#### **TK441: Nguồn vốn đầu tư XDCB**

- TT200: Có

- TT99: Không có

#### **TK461: Nguồn kinh phí sự nghiệp**

- TT200: Có

- TT99: Không có

#### **TK466: Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ**

- TT200: Có

- TT99: Không có

#### **❖ Nguyên tắc kế toán doanh thu:**

TT99 như TT200

#### **TK511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

- TT200: Có 6 tài khoản cấp 2.

- TT99: DN có thể mở thêm chi tiết các tài khoản doanh thu (hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm, bất động sản đầu tư, bán quyền được nhận hàng hóa, bán quyền được sử dụng dịch vụ, ....) phù hợp với hoạt động của doanh nghiệp mình.

#### **TK515: Doanh thu hoạt động tài chính**

- TT99 tương tự TT200

- TT99 lưu ý chi tiết hơn TT200 về vấn đề Cty đầu tư vào Cty khác mà nhận cổ tức bằng cổ phiếu. Khi Cty đầu tư nhận cổ tức bằng cổ phiếu, hoặc khi Cty nhận đầu tư tăng vốn điều lệ bằng nguồn vốn khác của CSH, các quỹ thuộc vốn CSH hay từ lợi nhuận sau thuế chưa phân

phối, nếu (i) Cty đầu tư là Cty cổ phần thì Cty đầu tư chỉ theo dõi số lượng Cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh BCTC (hay sổ theo dõi chi tiết số cổ phiếu nắm giữ - bài giảng), còn nếu (ii) Cty đầu tư là các loại hình DN khác thì Cty đầu tư chỉ theo dõi giá trị phần vốn được tăng thêm trên thuyết minh BCTC, và đều (cả 2) không được ghi nhận doanh thu tài chính, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư vào Cty nhận đầu tư, trừ trường hợp đối với DN Nhà nước có quy định khác quy định này.

#### **TK521: Các khoản giảm trừ doanh thu**

\* Về nguyên tắc ghi nhận, TT99 tương tự T200.

\* Về kết cấu tài khoản

- TT200: TK521 có 3 tài khoản cấp 2

- TT99: DN có thể mở thêm Tài khoản chi tiết để theo dõi phù hợp với DN.

#### **\* Nguyên tắc kế toán chi phí**

- TT99 tương tự TT200

- TT99 lưu ý chi tiết hơn TT200 về vấn đề ghi nhận chi phí trong điều kiện tuân thủ nguyên tắc thận trọng (không đánh giá cao hơn giá trị tài sản & thu nhập, không đánh giá thấp hơn giá trị của nợ phải trả & chi phí) nên có thể ghi nhận chi phí trước khi đến hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh.

#### **TK611: Mua hàng**

- **TT200: Có**

- **TT99: Không có**

#### **TK621: Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp**

- TT200:

- TT99:

#### **TK622: Chi phí nhân công trực tiếp**

- TT200:

- TT99:

#### **TK623: Chi phí sử dụng máy thi công**

- TT200:

- TT99:

#### **TK627: Chi phí sản xuất chung**

- TT200:

- TT99:

### **TK631: Giá thành sản xuất**

- TT200: Có

- TT99: Không có

### **TK632: Giá vốn hàng bán**

- TT200:

- TT99: có 1 điểm mới so với TT200 do thêm một số đối tượng giá vốn. “TK này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, tài sản sinh học (trừ cây lâu năm cho sản phẩm định kỳ và súc vật làm việc được kế toán là TSCD), BĐS đầu tư, giá thành sản xuất của SP xây lắp bán ra trong kỳ. Ngoài ra TK này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư như : chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí bán BĐS đầu tư, ....”. Các lưu ý khác như TT200.

### **TK635: Chi phí tài chính**

- TT200:

- TT99:

### **TK641: Chi phí bán hàng**

- TT200:

- TT99:

### **TK642: Chi phí quản lý doanh nghiệp**

- TT200:

- TT99:

### **TK711: Thu nhập khác**

- TT200:

- TT99: Bổ sung thêm nguyên tắc kế toán. “Trường hợp DN được tài trợ, biếu, tặng tài sản phi tiền tệ hoặc cổ phần/cổ phiếu/phần vốn góp mà chưa có thông tin về giá trị thì căn cứ giá thị trường/giá đánh giá của hội đồng đánh giá tài sản của doanh nghiệp/tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp.

### **TK811: Chi phí khác**

- TT200:

- TT99:

### **TK821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

\* Về nguyên tắc kế toán: TT99 Bổ sung 1 điểm trong nguyên tắc ghi nhận vào TK821: “Chi phí thuế TNDN bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu là số thuế TNDN mà DN phải nộp bổ sung vào NSNN được xác định theo quy định của pháp luật về thuế tối thiểu toàn cầu. Khi ghi nhận chi phí thuế TNDN bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, DN đồng thời ghi nhận TS thuế TNDN hoãn lại.”

\* Về cấu trúc tài khoản, TT99 bổ sung thêm như sau:

TK821

TK8211 – Chi phí thuế TNDN hiện hành

TK82111 – Chi phí thuế TNDN hiện hành theo quy định của Luật thuế TNDN

TK82112 - Chi phí thuế TNDN bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

TK8212 – Chi phí thuế TNDN hoãn lại

\* Vì mục đích kê khai thuế bổ sung do quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, TT99 bổ sung khái niệm “Đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai” và “Đơn vị hợp thành không chịu trách nhiệm kê khai”.

\* Bổ sung thêm một số ý về : Thuế tối thiểu toàn cầu, kê khai bổ sung thuế theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu.

### **TK911: Xác định kết quả kinh doanh**

- TT200:

- TT99:

----- Kết thúc phần “Hệ thống tài khoản kế toán” -----

## **13. THÔNG TƯ 99 – HỆ THỐNG SỔ KẾ TOÁN:**

TT200: Chương V

TT99: Chương IV – Điều 12 đến Điều 13 (**Kèm Phụ lục III – trang 483**)

TT99 và TT200 giống nhau ở điểm : Phải tuân thủ cách ghi sổ, mẫu sổ thì theo gợi ý theo mẫu, hoặc DN tự thiết kế theo nhu cầu. TT99 bổ sung thêm ý “Thiết kế bổ sung thì phải tuân thủ quy định tại Khoản 1,2,3,4 Điều 24 Luật Kế toán, đồng thời phải ban hành quy chế hạch toán kế toán về các nội dung sửa đổi để làm cơ sở thực hiện.

Nếu không có gì sửa đổi thì theo mẫu tại Phụ lục III.

## **14. THÔNG TƯ 99 – HỆ THỐNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH:**

TT200: Chương III

TT99: Chương V – Điều 14 đến Điều 27 (**Kèm Phụ lục IV – trang 602**)